

THÔNG TƯ

**Hướng dẫn giao dịch mua lại có kỳ hạn trái phiếu Chính phủ
từ nguồn ngân quỹ nhà nước tạm thời nhàn rỗi của Kho bạc Nhà nước**

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 24/2016/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2016 của Chính phủ quy định chế độ quản lý ngân quỹ nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 95/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ quy định về phát hành, đăng ký, lưu ký, niêm yết và giao dịch công cụ nợ của Chính phủ trên thị trường chứng khoán;

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Tổng Giám đốc Kho bạc Nhà nước;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn giao dịch mua lại có kỳ hạn trái phiếu Chính phủ từ nguồn ngân quỹ nhà nước tạm thời nhàn rỗi của Kho bạc Nhà nước.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn việc thực hiện giao dịch mua lại có kỳ hạn trái phiếu Chính phủ (TPCP) từ nguồn ngân quỹ nhà nước (NQNN) tạm thời nhàn rỗi bằng Việt Nam đồng (VNĐ) của Kho bạc Nhà nước (KBNN).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Kho bạc Nhà nước.
2. Sở Giao dịch Chứng khoán.
3. Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.
4. Các ngân hàng thương mại (NHTM) đủ điều kiện giao dịch mua lại có kỳ

hạn TPCP với KBNN.

5. Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc mua lại có kỳ hạn TPCP.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Ngoài các thuật ngữ đã được giải thích tại Thông tư số 30/2019/TT-BTC ngày 28 tháng 5 năm 2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn đăng ký, lưu ký, niêm yết, giao dịch và thanh toán giao dịch công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh do ngân hàng chính sách phát hành và trái phiếu chính quyền địa phương (sau đây gọi là Thông tư số 30/2019/TT-BTC), trong Thông tư này, các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Giao dịch mua lại có kỳ hạn TPCP là giao dịch mua bán lại theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 13 Thông tư số 30/2019/TT-BTC. KBNN là bên mua trong giao dịch lần 1 và là bên bán trong giao dịch lần 2; KBNN sử dụng NQNN tạm thời nhàn rỗi để mua TPCP và nhận quyền sở hữu TPCP từ bên bán, đồng thời cam kết sẽ bán lại và chuyển quyền sở hữu khối lượng TPCP đó cho bên bán sau một thời gian xác định với một mức giá xác định.

2. Kỳ hạn mua lại TPCP: là số ngày thực tế được tính từ ngày thanh toán giao dịch lần 1 đến ngày thanh toán giao dịch lần 2.

3. Ngày thanh toán giao dịch lần 1 (ngày mua TPCP): là ngày TPCP được chuyển quyền sở hữu từ tài khoản lưu ký chứng khoán của NHTM sang tài khoản lưu ký chứng khoán của KBNN mở tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và tiền giao dịch TPCP lần 1 được KBNN chuyển vào tài khoản tiền gửi bằng VNĐ của NHTM mở tại Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

4. Ngày thanh toán giao dịch lần 2 (ngày bán lại TPCP): là ngày TPCP được chuyển quyền sở hữu từ tài khoản lưu ký chứng khoán của KBNN sang tài khoản lưu ký chứng khoán của NHTM mở tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và tiền giao dịch TPCP lần 2 được NHTM chuyển trả vào tài khoản tiền gửi bằng VNĐ của KBNN mở tại Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

5. Kỳ hạn còn lại của TPCP: là khoảng thời gian còn lại (theo ngày thực tế) từ ngày tổ chức mua lại có kỳ hạn TPCP (ngày T) đến ngày đáo hạn TPCP.

6. Ngày đăng ký cuối cùng của kỳ trả lãi kế tiếp của TPCP: là ngày Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam xác định danh sách chủ sở hữu trái phiếu để thanh toán lãi, gốc TPCP.

7. Giá gộp lãi danh nghĩa TPCP: là giá của TPCP tính vào ngày thanh toán giao dịch lần 1 và có bao gồm lãi danh nghĩa tích gộp (nếu có).

8. Giá yết TPCP: là giá của TPCP tính vào ngày thanh toán giao dịch lần 1 và không bao gồm lãi danh nghĩa tích gộp.

9. Giao dịch trái phiếu hưởng quyền là giao dịch có ngày thanh toán diễn ra trước hoặc trùng với ngày đăng ký cuối cùng hưởng lãi trái phiếu của kỳ trả lãi hiện tại.

10. Giao dịch trái phiếu không hưởng quyền là giao dịch có ngày thanh toán diễn ra sau ngày đăng ký cuối cùng hưởng lãi trái phiếu của kỳ trả lãi hiện tại.

Điều 4. Hạn mức sử dụng NQNN tạm thời nhàn rỗi để mua lại có kỳ hạn TPCP

1. Hạn mức sử dụng NQNN tạm thời nhàn rỗi để mua lại có kỳ hạn TPCP được thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 1 Thông tư số 64/2019/TT-BTC ngày 16 tháng 9 năm 2019 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 314/2016/TT-BTC ngày 28 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 24/2016/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2016 của Chính phủ quy định chế độ quản lý NQNN.

2. Hàng quý, chậm nhất sau 05 ngày làm việc kể từ ngày được Bộ Tài chính phê duyệt hạn mức sử dụng NQNN tạm thời nhàn rỗi để mua lại có kỳ hạn TPCP, KBNN thông báo tổng hạn mức giao dịch mua lại có kỳ hạn TPCP trong quý trên trang thông tin điện tử của KBNN.

Điều 5. Điều kiện đối với TPCP được KBNN chấp nhận trong giao dịch

TPCP được KBNN chấp nhận sử dụng trong giao dịch mua lại có kỳ hạn TPCP phải đảm bảo các điều kiện sau:

1. Là TPCP đang được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán, có kỳ hạn còn lại tối đa không quá một (01) năm.

2. Thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bên bán và được phép chuyển nhượng; không bị ràng buộc trong các quan hệ về giao dịch bảo đảm trong thời gian mua lại có kỳ hạn, kể từ ngày thanh toán giao dịch lần 1.

Điều 6. Kỳ hạn mua lại TPCP

1. Kỳ hạn mua lại TPCP của KBNN bao gồm: kỳ hạn 7 ngày, 14 ngày, 21 ngày, 1 tháng, 2 tháng và 3 tháng.

2. Giao KBNN căn cứ tình hình thị trường, quyết định kỳ hạn mua lại cụ thể đối với từng giao dịch, phù hợp với phương án điều hành NQNN đã được Bộ Tài chính phê duyệt hàng quý.

Điều 7. Hình thức giao dịch và hệ thống thực hiện giao dịch mua lại có kỳ hạn TPCP

1. Hình thức giao dịch: KBNN thực hiện giao dịch mua lại có kỳ hạn TPCP theo hình thức thỏa thuận điện tử có tính chất lựa chọn, đảm bảo việc lựa chọn đối tác giao dịch theo nguyên tắc đấu thầu cạnh tranh lãi suất mua lại có kỳ hạn

TPCP; phương thức xác định lãi suất mua lại có kỳ hạn TPCP là đa giá, phù hợp với quy định tại Điều 16, Điều 17 Thông tư số 30/2019/TT-BTC.

2. Hệ thống thực hiện giao dịch: Giao dịch mua lại có kỳ hạn TPCP của KBNN được thực hiện trên hệ thống giao dịch công cụ nợ tại Sở Giao dịch Chứng khoán.

Điều 8. Đối tác giao dịch mua lại có kỳ hạn TPCP và hạn mức dư nợ giao dịch cho từng đối tác

1. KBNN lựa chọn đối tác giao dịch là các NHTM để giao dịch mua lại có kỳ hạn TPCP đáp ứng đồng thời các tiêu chí sau:

a) Trong danh sách các NHTM được xếp hạng theo mức độ an toàn do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cung cấp cho Bộ Tài chính (KBNN) hàng năm theo quy định tại khoản 3 Điều 14 Nghị định số 24/2016/NĐ-CP.

b) Đang là thành viên giao dịch trên thị trường giao dịch công cụ nợ tại Sở Giao dịch Chứng khoán.

c) Không vi phạm nghĩa vụ thanh toán trong giao dịch mua lại có kỳ hạn TPCP với KBNN theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Thông tư này trong vòng một (01) năm (tính theo ngày) liền kề trước tính đến ngày KBNN thực hiện giao dịch mua lại có kỳ hạn TPCP.

2. Hạn mức dư nợ giao dịch cho từng đối tác:

Hàng quý, căn cứ hạn mức sử dụng NQNN tạm thời nhân rồi để giao dịch mua lại có kỳ hạn TPCP được Bộ Tài chính phê duyệt, KBNN xác định và thông báo hạn mức dư nợ giao dịch quý bằng văn bản cho từng NHTM chậm nhất sau 05 ngày làm việc kể từ ngày được Bộ Tài chính phê duyệt.

Điều 9. Hợp đồng giao dịch

1. Giao dịch mua lại có kỳ hạn TPCP giữa KBNN và NHTM được thực hiện theo hợp đồng, bao gồm: hợp đồng khung và các phụ lục hợp đồng.

2. Chậm nhất sau 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được danh sách các NHTM được xếp hạng theo mức độ an toàn do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cung cấp theo quy định tại khoản 3 Điều 14 Nghị định số 24/2016/NĐ-CP, KBNN thông báo bằng văn bản đến từng NHTM đáp ứng các tiêu chí nêu tại khoản 1 Điều 8 Thông tư này; sau đó, tổ chức ký Hợp đồng khung với các NHTM chấp thuận giao dịch với KBNN, đảm bảo hoàn thành chậm nhất sau 10 ngày làm việc, kể từ ngày KBNN gửi thông báo.

Trường hợp Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có văn bản thông báo điều chỉnh danh sách các NHTM được xếp hạng theo mức độ an toàn, thì chậm nhất sau 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản điều chỉnh của Ngân hàng Nhà nước

Việt Nam, KBNN thông báo bằng văn bản đến từng NHTM được bổ sung hoặc bị loại khỏi danh sách.

Trường hợp các NHTM được bổ sung chấp thuận giao dịch với KBNN, KBNN tổ chức ký Hợp đồng khung với các NHTM, đảm bảo hoàn thành chậm nhất sau 10 ngày làm việc kể từ ngày gửi thông báo.

Hợp đồng khung được thanh lý, chấm dứt theo thỏa thuận giữa KBNN và NHTM hoặc khi NHTM đó không đáp ứng đủ tiêu chí nêu tại khoản 1 Điều 8 Thông tư này bằng hình thức ký kết biên bản thanh lý hợp đồng. Trường hợp NHTM đó vẫn còn có các phụ lục hợp đồng đang còn hiệu lực, thì KBNN chấm dứt hợp đồng khung với NHTM đó vào ngày kết thúc phụ lục hợp đồng cuối cùng đã được ký kết với KBNN.

3. Nội dung chính của hợp đồng khung, bao gồm:

- a) Căn cứ pháp lý thực hiện hợp đồng.
- b) Ngày hợp đồng, địa điểm ký kết hợp đồng.
- c) Thông tin bên mua, thông tin bên bán, bao gồm: tên, địa chỉ, điện thoại, số tài khoản và nơi mở tài khoản (tài khoản tiền gửi và tài khoản lưu ký chứng khoán) của bên mua, bên bán.
- d) Phương thức giao dịch (không bao gồm nội dung về lãi suất mua lại có kỳ hạn, kỳ hạn mua lại TPCP, các điều kiện và điều khoản của TPCP, khối lượng TPCP giao dịch, các mức giá trị giao dịch lần 1, lần 2).
- đ) Phương thức thanh toán và chuyển giao TPCP.
- e) Quyền và nghĩa vụ của các bên.
- g) Vi phạm và xử lý vi phạm hợp đồng.
- h) Giải quyết tranh chấp.
- i) Quy định về ngày có hiệu lực của hợp đồng, thời hạn hợp đồng và chấm dứt hợp đồng; về thay đổi điều khoản, điều kiện quy định tại hợp đồng.
- k) Các nội dung liên quan khác (nếu có).

4. Căn cứ Hợp đồng khung đã được ký kết, KBNN và NHTM ký phụ lục hợp đồng cho từng lần giao dịch. Nội dung chính của phụ lục hợp đồng, bao gồm:

- a) Các thông tin về TPCP được mua lại có kỳ hạn: mã TPCP, giá trị niêm yết, ngày phát hành, ngày đáo hạn, lãi suất danh nghĩa, phương thức thanh toán gốc lãi, kỳ hạn còn lại của TPCP, tỷ lệ phòng vệ rủi ro.